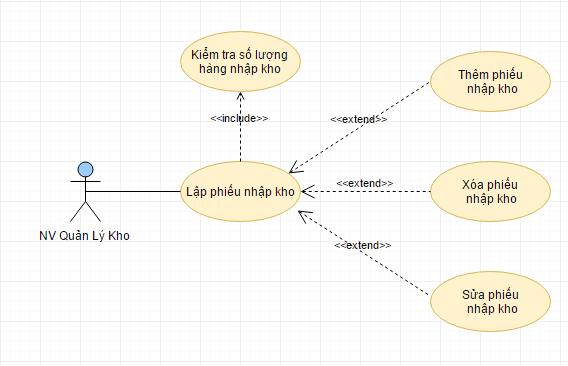
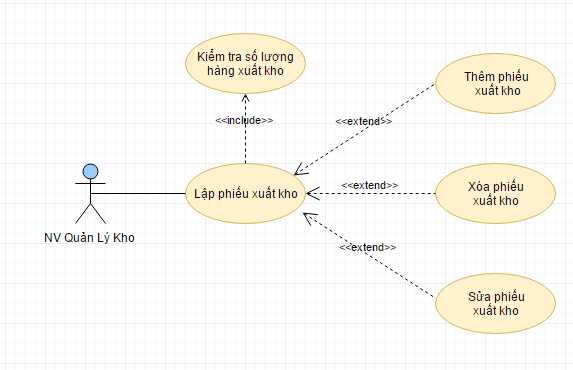
**MÔ TẢ USE CASE**

1. Quản Lý Kho
2. Lập phiếu nhập kho



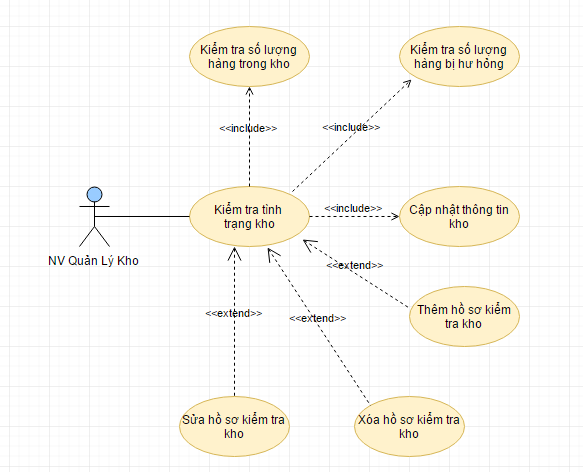
|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập phiếu nhập kho mỗi khi cửa hàng nhập hàng. Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa phiếu nhập kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một phiếu nhập kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa phiếu nhập kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:    1. “Thêm phiếu nhập kho”  * NV quản lý kho chọn “Thêm phiếu nhập kho” * Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập vào các thông tin của phiếu nhập kho (Ngày nhập, số lượng hàng, đơn giá,…) Hệ thống sẽ tự động cập nhật Mã phiếu nhập kho trong quá trình Thêm phiếu nhập kho mới * Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì phiếu nhập kho này được lưu vào hệ thống   1. “Sửa phiếu nhập kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu nhập kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu nhập kho cần sửa thông tin  - NV quản lý kho chọn “Sửa phiếu nhập kho”.  - Hệ thống hiển thị thông tin phiếu nhập kho qua bảng sửa chữa  - NV quản lý kho chỉnh sửa các thông tin phiếu nhập kho, nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì phiếu nhập kho được lưu vào hệ thống  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa phiếu nhập kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu nhập kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm phiếu nhập kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa phiếu nhập kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu nhập kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu nhập kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn “Xóa phiếu nhập kho”  - Hệ thống hiển thị câu thông báo xác nhận NV quản lý kho có muốn xóa không?  - NV quản lý kho chấp nhận, phiếu nhập kho sẽ bị xóa khỏi hệ thống  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa phiếu nhập kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu nhập kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm phiếu nhập kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn tại phiếu nhập kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy phiếu nhập kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu nhập kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

1. Lập phiếu xuất kho



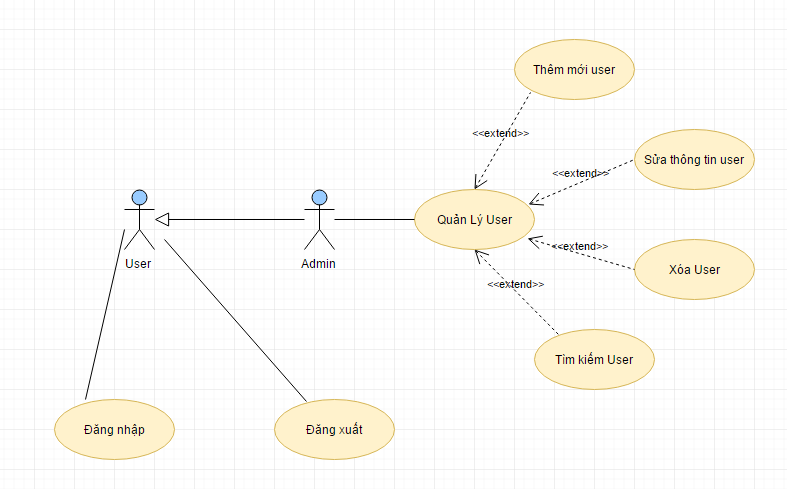
|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập phiếu xuất kho mỗi khi cửa hàng bán hàng. Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa phiếu xuất kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một phiếu xuất kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa phiếu xuất kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm phiếu xuất kho”   * NV quản lý kho chọn “Thêm phiếu xuất kho” * Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập vào các thông tin của phiếu xuất kho (Ngày bán, số lượng hàng, đơn giá,…) Hệ thống sẽ tự động cập nhật Mã phiếu xuất kho trong quá trình Thêm phiếu xuất kho mới * Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì phiếu xuất kho này được lưu vào hệ thống   1. “Sửa phiếu xuất kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu xuất kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu xuất kho cần sửa thông tin  - NV quản lý kho chọn “Sửa phiếu xuất kho”.  - Hệ thống hiển thị thông tin phiếu xuất kho qua bảng sửa chữa  - NV quản lý kho chỉnh sửa các thông tin phiếu xuất kho, nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì phiếu xuất kho được lưu vào hệ thống  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa phiếu xuất kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu xuất kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm phiếu xuất kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa phiếu xuất kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu xuất kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu xuất kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn “Xóa phiếu xuất kho”  - Hệ thống hiển thị câu thông báo xác nhận NV quản lý kho có muốn xóa không?  - NV quản lý kho chấp nhận, phiếu xuất kho sẽ bị xóa khỏi hệ thống  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa phiếu xuất kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu xuất kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm phiếu xuất kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn tại phiếu xuất kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy phiếu xuất kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu xuất kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

1. Kiểm tra tình trạng kho



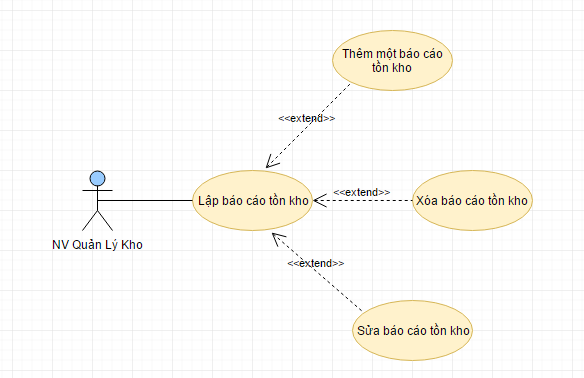
|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập hồ sơ kiểm tra kho theo định kỳ ngày/tháng/tuần,.... Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa hồ sơ kiểm tra kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một hồ sơ kiểm tra kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa hồ sơ kiểm tra kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm hồ sơ kiểm tra kho”   * NV quản lý kho chọn “Thêm hồ sơ kiểm tra kho” * Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập vào các thông tin của hồ sơ kiểm tra kho (Ngày kiểm tra, số lượng hàng tồn kho, số lượng hàng hư hỏng,…) Hệ thống sẽ tự động cập nhật Mã hồ sơ kiểm tra kho trong quá trình Thêm hồ sơ kiểm tra kho mới * Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hồ sơ kiểm tra kho này được lưu vào hệ thống   1. “Sửa hồ sơ kiểm tra kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn hồ sơ kiểm tra kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 hồ sơ kiểm tra kho cần sửa thông tin  - NV quản lý kho chọn “Sửa hồ sơ kiểm tra kho”.  - Hệ thống hiển thị thông tin hồ sơ kiểm tra kho qua bảng sửa chữa  - NV quản lý kho chỉnh sửa các thông tin hồ sơ kiểm tra kho, nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hồ sơ kiểm tra kho được lưu vào hệ thống  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa hồ sơ kiểm tra kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa hồ sơ kiểm tra kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu xuất kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu xuất kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn “Xóa phiếu xuất kho”  - Hệ thống hiển thị câu thông báo xác nhận NV quản lý kho có muốn xóa không?  - NV quản lý kho chấp nhận, hồ sơ kiểm tra kho sẽ bị xóa khỏi hệ thống  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa hồ sơ kiểm tra kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn tại hồ sơ kiểm tra kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy hồ sơ kiểm tra kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin hồ sơ kiểm tra kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

1. Quản Lý User



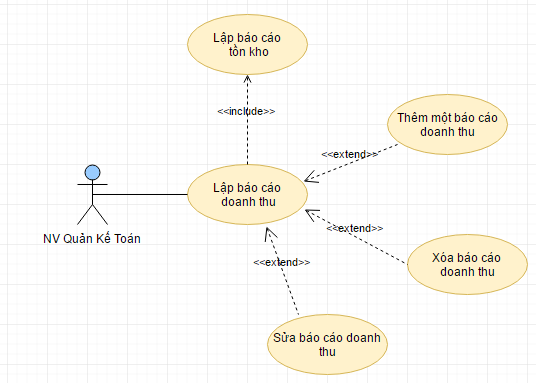
|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép user và admin đăng nhập, đăng xuất khỏi hệ thống. Ngoài ra admin còn có quyền quản lý thông tin các user, bao gồm thêm, xóa, sửa và tìm kiếm tài khoản user trong hệ thống. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi user/admin muốn đăng nhập, đăng xuất khỏi hệ thống. Hoặc khi admin thực hiện việc thêm/xóa/sửa/tìm kiếm user.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên (có tài khoản user hoặc admin) chọn chức năng muốn thực hiện (Đăng nhập/ Đăng xuất/ Thêm/ Xóa /Sửa thông tin user) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Đăng nhập”   * User/admin chọn “Đăng nhập” * Hệ thống yêu cầu user/admin nhập thông tin username và password, tiến hành chọn vào “Đăng nhập”. Sau khi user/admin cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì tài khoản sẽ được đăng nhập vào hệ thống.   1. “Đăng xuất” * User/admin chọn “Đăng xuất” * Hệ thống tiến hành đăng xuất tài khoản user/admin ra khỏi hệ thống   1. “Thêm user” * Admin chọn “Thêm mới user” * Hệ thống yêu cầu admin nhập thông tin user cần đăng ký. Nếu các thông tin nhập vào là hợp lệ thì tài khoản user mới sẽ được tạo.   1. “Sửa thông tin user” * Admin chọn “Sửa thông tin user”   2.4a. Admin chọn user trực tiếp từ danh sách user:  - Admin chọn user cần sửa  - Hệ thống sẽ hiển thị thông tin user ở chế độ cho phép chỉnh sửa  - Admin chỉnh sửa thông tin user, sau đó chọn “Lưu”  - Nếu thông tin mới nhập vào là hợp lệ, hệ thống sẽ tiến hành cập nhật thông tin user mới.  2.4b. Admin tìm kiếm user cần chỉnh sửa thông tin:  - Admin nhập thông tin user cần tìm kiếm vào ô tìm kiếm, chọn “Tìm kiếm”  - Hệ thống sẽ hiển thị một danh sách các kết quả user tìm kiếm được.  - Lặp lại các bước 2.4a.  2.5. “Tìm kiếm user”  - Admin chọn “Tìm kiếm user”  - Hệ thống yêu cầu admin nhập thông tin user cần tìm kiếm  - Hệ thống tiến hành tìm kiếm và hiển thị danh sách kết quả các tài khoản user tìm được  2.6. “Xóa user”   * Admin chọn “Xóa user”   2.6a. Admin chọn user trực tiếp từ danh sách user:  - Admin chọn user cần xóa  - Hệ thống sẽ hiển thị thông báo yêu cầu admin xác nhận việc xóa  - Admin chọn “Xóa”  - Hệ thống tiến hành xóa tài khoản user khỏi hệ thống  2.6b. Admin tìm kiếm user cần xóa:  - Admin nhập thông tin user cần tìm kiếm vào ô tìm kiếm, chọn “Tìm kiếm”  - Hệ thống sẽ hiển thị một danh sách các kết quả user tìm kiếm được.  - Lặp lại các bước 2.4a. |
| Dòng sự kiện phụ:   * Nếu trong luồng sự kiện 2.1 không tồn tại tài khoản user/admin nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Sai username hoặc password”. Admin/user có thể nhập thông tin đăng nhập khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc * Nếu trong luồng sự kiện 2.4b/2.6b không tồn tại tài khoản user nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy tài khoản user”. Admin/user có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện:   * Admin/user phải có tài khoản để có thể đăng nhập vào hệ thống * Admin phải đăng nhập sau đó mới có thể tiến hành các thao tác quản lý user |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin user thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

1. Lập Báo Cáo
2. Lập báo cáo tồn kho



|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập báo cáo tồn kho theo định kỳ ngày/tháng/tuần,.... Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa báo cáo tồn kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một báo cáo tồn kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa báo cáo tồn kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm báo cáo tồn kho”   * NV quản lý kho chọn “Thêm báo cáo tồn kho” * Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập vào các thông tin của báo cáo tồn kho (Ngày lập, thông tin kho,…) Hệ thống sẽ tự động cập nhật Mã báo cáo tồn kho trong quá trình Thêm báo cáo tồn kho mới * Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì báo cáo tồn kho này được lưu vào hệ thống   1. “Sửa báo cáo tồn kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn báo cáo tồn kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 báo cáo tồn kho cần sửa thông tin  - NV quản lý kho chọn “Sửa báo cáo tồn kho”.  - Hệ thống hiển thị thông tin báo cáo tồn kho qua bảng sửa chữa  - NV quản lý kho chỉnh sửa các thông tin báo cáo tồn kho, nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì báo cáo tồn kho được lưu vào hệ thống  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa báo cáo tồn kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm báo cáo tồn kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm báo cáo tồn kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa báo cáo tồn kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn báo cáo tồn kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 báo cáo tồn kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn “Xóa báo cáo tồn kho”  - Hệ thống hiển thị câu thông báo xác nhận NV quản lý kho có muốn xóa không?  - NV quản lý kho chấp nhận, báo cáo tồn kho sẽ bị xóa khỏi hệ thống  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa báo cáo tồn kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm báo cáo tồn kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm báo cáo tồn kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn báo cáo tồn kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy báo cáo tồn kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo tồn kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

1. Lập báo cáo doanh thu



|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV kế toán lập báo cáo doanh thu theo định kỳ ngày/tháng/tuần,.... Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa báo cáo doanh thu. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV kế toán muốn thêm, thay đổi, xóa một báo cáo doanh thu.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên kế toán chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa báo cáo doanh thu) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm báo cáo doanh thu”   * NV kế toán chọn “Thêm báo cáo doanh thu” * Hệ thống yêu cầu NV kế toán nhập vào các thông tin của báo cáo doanh thu (Ngày lập, thông tin thu chi,…) Hệ thống sẽ tự động cập nhật Mã báo cáo doanh thu trong quá trình Thêm báo cáo doanh thu mới * Sau khi NV kế toán cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì báo cáo doanh thu này được lưu vào hệ thống   1. “Sửa báo cáo doanh thu”   2.2.a NV kế toán trực tiếp chọn báo cáo doanh thu cần sửa:  - NV kế toán chọn 1 báo cáo doanh thu cần sửa thông tin  - NV kế toán chọn “Sửa báo cáo doanh thu”.  - Hệ thống hiển thị thông tin báo cáo doanh thu qua bảng sửa chữa  - NV kế toán chỉnh sửa các thông tin báo cáo doanh thu, nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì báo cáo doanh thu được lưu vào hệ thống  2.2.b NV kế toán dùng công cụ tìm để sửa báo cáo doanh thu:  - NV kế toán chọn “Tìm kiếm báo cáo doanh thu”  - Hệ thống yêu cầu NV kế toán nhập các thông tin tìm kiếm báo cáo doanh thu  - Sau khi NV kế toán cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa báo cáo doanh thu”   2.3.a NV kế toán trực tiếp chọn báo cáo doanh thu muốn xóa  - NV kế toán chọn 1 báo cáo doanh thu muốn xóa  - NV kế toán chọn “Xóa báo cáo doanh thu”  - Hệ thống hiển thị câu thông báo xác nhận NV kế toán có muốn xóa không?  - NV kế toán chấp nhận, báo cáo doanh thu sẽ bị xóa khỏi hệ thống  2.3.b NV kế toán dùng công cụ tìm kiếm để xóa báo cáo doanh thu:  - NV kế toán chọn “Tìm kiếm báo cáo doanh thu”  - Hệ thống yêu cầu NV kế toán nhập các thông tin tìm báo cáo doanh thu  - Sau khi NV kế toán cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn báo cáo doanh thu nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy báo cáo doanh thu”. NV kế toán có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV kế toán phải đăng nhập dưới quyền NV kế toán vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo doanh thu được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |